

Bản án số: 104/2023/HS-ST
Ngày 26-9-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Phan.

2. Ông Vàng A Kỳ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 110/2023/TLST - HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tráng A P**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1997 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tráng A D – sinh năm 1949 và con bà: Vàng Thị C – sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 28/6/2023, đến ngày 07/7/2023 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Tráng A T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Chị Giàng Thị C, sinh năm 1992 (có mặt).

Chị Giàng Thị C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh T

Đều trú tại: Bản Tr, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ sáng ngày 17/6/2023, Tráng A P nhận được điện thoại của anh Tráng A T bảo P sang nhà anh T có việc, nhà P cách nhà anh T khoảng 500m. P đi bộ sang nhà anh T, khi đến nơi P thấy cửa nhà bên dưới tầng hầm không khóa nên đi vào nhưng không thấy có ai ở nhà. Trong lúc ngồi chờ anh T, P quan sát thấy cửa buồng ngủ gia đình anh T không đóng nên P đã nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản để trộm cắp, mục đích để tiêu xài cá nhân. P quan sát thấy dưới gầm giường nhà anh T có 01 chiếc hòm sắt, màu xanh ngọc nên P đi vào nhấc chiếc hòm lên để xem thì thấy chiếc hòm rất nặng được khóa bằng 03 ổ khóa, nghĩ trong hòm có tài sản nên P đã xách chiếc hòm đi theo lối cửa lúc vào nhà để mang chiếc hòm đi ra bờ suối gần đó (*cách nhà anh T khoảng 100m*) nhằm mục đích mở chiếc hòm để trộm cắp tài sản. Khi đến bờ suối, P thấy chiếc hòm được khóa bằng 03 ổ khóa chắc chắn không thể dùng tay phá được nên P đã để chiếc hòm ở bờ suối rồi quay về nhà lấy 01 chiếc cưa sắt quay lại cắt lần lượt từng ổ khóa của chiếc hòm; cưa khoảng 03 giờ đồng hồ thì cưa đứt được 03 ổ khóa, sau đó P ném các ổ khóa cùng chiếc cưa sắt vào dòng suối đang chảy. P mở nắp hòm ra thì thấy bên trong chiếc hòm có 02 chiếc túi vải, gồm: 01 chiếc màu xanh, 01 chiếc màu đỏ, P mở bên trong 02 chiếc túi ra thì thấy có tiền, P đếm được tổng số tiền là 2.700.000 đồng với nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau (*gồm cả tiền giấy và tiền Polyme, tờ tiền mệnh giá nhỏ nhất là 1000 đồng, lớn nhất là 200.000 đồng*), ngoài ra trong hòm còn có 01 quyển sổ bìa màu xanh P không rõ quyển sổ ghi chép nội dung gì nên P để lại trong hòm. Sau khi lấy được tiền, P đã cất số tiền lấy trộm được vào trong túi quần đang mặc trên người rồi xách chiếc hòm đi sang bên kia suối nhằm mục đích cất giấu, đợi một thời gian nếu không có ai phát hiện P sẽ mang chiếc hòm về nhà sử dụng, nhưng khi đi ra đến giữa suối thì bị trượt chân ngã đã làm rơi chiếc hòm xuống suối, do nước sâu và chảy xiết nên P không tìm chiếc hòm nữa mà quay về nhà. Đến ngày 19/6/2023, P đã mang theo số tiền trộm cắp được đi sang huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai để làm thuê và tiêu xài cá nhân hết số tiền 2.700.000 đồng. Đến ngày 21/6/2023, anh Tráng A T phát hiện gia đình mất chiếc hòm đựng tiền nên nghi ngờ và gọi điện thoại hỏi P có lấy trộm tiền của gia đình anh T không? P thừa nhận là có nên anh T bảo P về nhà để giải quyết, cùng ngày chị Giàng Thị C, sinh năm 1992, trú tại bản Trung Tâm, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên (là vợ của anh Tráng A T) đã đến trụ sở Công an xã Hố Mít để trình báo về việc bị Tráng A P vào nhà trộm cắp tài sản của gia đình. Sáng ngày 28/6/2023, Tráng A P đã đến trụ sở Công an xã Hố Mít để đầu thú về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án: Không có. Toàn bộ vật chứng gồm 01 chiếc hòm sắt, màu xanh ngọc; 03 ổ khóa chống cắt; số tiền 2.700.000 đồng; 01 quyển sổ bìa màu xanh; 02 túi vải và 01 cưa sắt không thu giữ được, do số tiền 2.700.000 đồng

P đã tiêu xài cá nhân hết không nhớ cụ thể địa điểm, còn những vật chứng khác P đã ném xuống suối, hiện truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Ngày 01/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Uyên tiến hành yêu cầu định giá tài sản, bao gồm: Một chiếc hòm sắt, màu xanh ngọc, loại hòm có 03 móc khoá (phía trước và hai bên), phía sau là bản lề, có tay cầm mặt trên nắp hòm, kích thước: dài 32 cm, rộng 23 cm, cao 15,5 cm, nặng 8 kg, không có nhãn hiệu, xuất xứ; hai chiếc túi vải (01 chiếc màu xanh, một chiếc màu đỏ) và ba ổ khoá chống cắt, loại khoá Việt Tiệp. Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên kết luận: “Tổng giá trị tài sản được định giá bao gồm một chiếc hòm sắt màu xanh ngọc và 03 ổ khoá chống cắt có tổng trị giá là 800.000 đồng; hai chiếc túi vải (01 chiếc màu xanh, một chiếc màu đỏ) do không có bán trên thị trường nên không có cơ sở định giá”.

Bản Cáo trạng số 91/CT -VKS - TU, ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên để xét xử Tráng A P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tráng A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Tráng A P từ 09 tháng đến 01 năm tù, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Tráng A P phải bồi thường cho bị hại anh Tráng A T và chị Giàng Thị C số tiền 3.500.000 đồng

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Bị hại chị Giàng Thị C trình bày tại phiên tòa: Yêu cầu bị cáo P phải bồi thường ngay số tiền 3.500.000 đồng là số tiền và giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp của gia đình chị C. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Tráng A P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, khoảng 08 giờ sáng ngày 17/6/2023, tại phòng ngủ trong nhà của gia đình chị Giàng Thị C thuộc bản Trung Tâm, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Tráng A P đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc hòm sắt, màu xanh ngọc gắn 03 ổ khóa chống cắt, bên trong chiếc hòm sắt chứa số tiền 2.700.000 đồng của gia đình chị Giàng Thị C. Sau khi trộm cắp được tiền P đã mang đi tiêu xài cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản Tráng A P trộm cắp của gia đình chị Giàng Thị C là 3.500.000 đồng (*trong đó 01 chiếc hòm sắt, màu xanh ngọc gắn 03 ổ khóa chống cắt có tổng trị giá 800.000 đồng và số tiền mặt 2.7000.000 đồng*).

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Tráng A P đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tráng A P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Trên cơ sở tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian trên mức khởi điểm của khung hình phạt để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo làm ruộng thu nhập thấp, không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Giàng Thị C yêu cầu bị cáo Tráng A P phải bồi thường ngay cho gia đình chị C số tiền 3.500.000 đồng là tiền mặt và giá trị tài sản mà bị cáo đã lấy trộm. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ, tại phiên tòa, bị cáo P cũng nhất trí bồi thường thiệt hại số tiền 3.500.000 đồng cho chị C tuy nhiên bị cáo chưa có tiền để bồi thường ngay, do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường nên cần xem xét buộc bị cáo P phải bồi thường cho chị C, anh T số tiền 3.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Tráng A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tráng A P 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Tráng A P.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Tráng A P phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh Tráng A T, sinh năm 1990, chị Giàng Thị C, sinh năm 1992 (Đều trú tại: Bản Trung Tâm, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu) số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tráng A P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

